

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày: 28/6/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Phụng;
- Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 “tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280A/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 276/2024/QĐHPT ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 18.12.2023 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang chứng thực; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1), sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc T (X), sinh năm 1983; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Do chỗ quen biết với bà N1 nên bà H có tham gia đây hội 10.000.000 đồng do bà N1 làm chủ, trong đây hội bà H tham gia 02 phần cụ thể như sau:

- Phần hội thứ nhất: Hội 10.000.000đồng/tháng, khai ngày 10/12/2019 (âm lịch) hội có 24 hội viên, phần hội này khai đến lần thứ 19 thì bà N1 tự ý ngưng không khai hội, do đó phần hội này bà H châu được 19 lần nên số tiền bà H được hưởng là 190.000.000 đồng.

- Phần hội thứ hai: Hội 10.000.000đồng/tháng, khai ngày 10/12/2019 (âm lịch). Hội có 24 hội viên, phần hội này khai đến lần thứ 19 thì bà N1 tự ý ngưng không khai hội, do đó phần hội này bà H châu được 19 lần nên số tiền bà H được hưởng là 190.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội mà bà H được hưởng trong hai phần hội là 380.000.000 đồng.

Trong quá trình chơi hội thì giữa bà H với bà N1 có sự tính toán nhằm lẫn do trong năm có tháng nhuận nên bà H đồng ý lấy số tiền giữa bà và bà N1 tính toán là 340.000.000 đồng, sau đó bà H có lại gặp bà N1 yêu cầu hót hết 02 phần hội thì bà N1 trả lời nếu chịu lỗ thì còn lại số tiền 182.000.000 đồng, bà H cũng đồng ý hót, sau đó bà N1 chỉ trả được 27.000.000 đồng còn lại số tiền 155.000.000 đồng, bà N1 có hứa qua tết sẽ trả cho bà H, nhưng sau đó bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 155.000.000 đồng. Nay bà H không đồng ý lấy số tiền mà bà N1 đã thỏa thuận với bà H chịu lỗ trong hai phần hội là 182.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà N1, ông T (Xung) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hội bà đã châu sau khi giữa bà H với bà N1 đã tính với nhau là 340.000.000 đồng, bà H đồng ý khấu trừ số tiền mà bà H nhận của bà N1 là 27.000.000 đôn, nên còn lại số tiền 313.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa, chị D là người đại diện ủy quyền cho bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Ngọc T (Xung), không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T (Xung) cùng có nghĩa vụ liên đới với bà N1 trả cho bà H số tiền hội là 313.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hội viên (bản photo), giấy xác nhận nơi cư trú.

- Bà Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1) ông Nguyễn Ngọc T (X1) đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà H ủy quyền cho chị Thùy D đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1) vắng mặt không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T (X1) vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H có tham gia dây hụi do bà Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1) làm chủ. Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, có 24 hội viên, bà H tham gia 02 phần. Hụi khai lần đầu ngày 10/12/2019 âm lịch nhằm ngày 04/01/2020 dương lịch, hiện nay đã mãn. Bà H đã chầu được 17 kỳ của 02 phần là 34 kỳ với số tiền là 10.000.000 đồng/kỳ x 34 kỳ = 340.000.000 đồng. Do bà N1 bị vỡ hụi nên đến hiện nay bà N1 còn nợ bà H 340.000.000 đồng nên bà H yêu cầu bà N1, ông Nguyễn Ngọc T (chồng bà N1) trả 340.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi xác định số tiền còn nợ thì bà N1 đã trả cho bà H số tiền 27.000.000 đồng, còn nợ lại 313.000.000 đồng đến nay. Nay bà H yêu cầu bà N1, ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 313.000.000 đồng, không yêu cầu tính

lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị **D** đại diện ủy quyền cho bà **H** xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông **T** và rút lại số tiền 27.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử cần nghị nên đình chỉ với yêu cầu này theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía bà **N1** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, căn cứ bà **H** khởi kiện là sổ hụi ngày 10/12/2019 (âm lịch), thể hiện bà **H** có tham gia 02 phần trong dây hụi này. Đồng thời có người làm chứng **Nguyễn Thị Như P**, là người cùng tham gia dây hụi với bà **H** xác nhận bà **H** có tham gia. Từ những tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định được rằng giữa bà **H** có tham gia hụi do bà **N2** làm chủ và còn nợ lại tiền hụi. Do đó, bà **N1** khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471 Bộ luật Dân sự:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với ông **Nguyễn Ngọc T** và số tiền 27.000.000 đồng.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H**.
- Buộc bà **Nguyễn Thị H1** Như trả cho bà **Nguyễn Thị H** số tiền 313.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà **Nguyễn Thị Hương H2** kiện yêu cầu bị đơn **Nguyễn Thị Huế N** (**Nguyễn Thị Quế N1**) ông **Nguyễn Ngọc T** (Xung) có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho bà là 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng). Bà **N1**, ông **T** có nơi cư trú **ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở bà **Nguyễn Thị Huế N** (**Nguyễn Thị Quế N1**) ông **Nguyễn Ngọc T** (**X1**) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai và lời trình bày của người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị H là chị Nguyễn Thị Thùy D tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa bà H với bà N1 có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, trong quá trình tham gia chơi hụi thì bà N1 là người trực tiếp giao dịch với bà H, nhưng danh sách hụi thì được bà N1 ghi tên “Bác 9 Chơn”, trong 02 phần hụi bà H tham gia thì bà N1 tự ý ngưng không khai tiếp tục, sau đó giữa bà H với bà N1 có thỏa thuận là bà H chịu lỗ trong 02 phần hụi chỉ còn lại số tiền 182.000.000 đồng, bà H cũng đồng, sau đó bà chỉ trả được 27.000.000 đồng còn lại số tiền 155.000.000 đồng, bà N1 có hứa qua tết sẽ trả cho bà H, nhưng sau đó bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 155.000.000 đồng. Nay bà H không đồng ý lấy số tiền mà bà N1 đã thỏa thuận với bà H là 182.000.000 đồng mà bà H đã chịu lỗ trong hai phần hụi. Bà H yêu cầu bà N1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi bà đã chầu trong 02 phần hụi là 340.000.000 đồng, đồng ý khấu trừ số tiền mà bà H nhận của bà N1 là 27.000.000 đồng, nên còn lại số tiền 313.000.000 đồng nhưng bà N1 vẫn không thực hiện, do đó bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp có danh sách dây hụi thể hiện từng phần hụi được bà N1 ghi tên “Bác 9 Chơn” nằm các số thứ tự trong từng phần hụi.

Đối với những người làm chứng trong dây hụi do bà H tham gia thì cũng đều xác định có cùng tham gia chơi chung với bà H do bà N1 làm chủ. Khi góp hụi đến kỳ mở hụi thì bà H tham gia bỏ hụi nhưng sau đó bà N1 tự ý ngưng không khai tiếp tục và hiện nay còn nợ lại là 313.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai của chị D phù hợp với lời khai những người làm chứng tham gia chơi hụi chung với bà H là có thực tế. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:

Bà H yêu cầu bà N1, ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 313.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa, người đại diện ủy quyền cho bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, không yêu cầu ông T cùng có nghĩa vụ liên đới với bà N1 để trả cho bà H số tiền hụi là 313.000.000 đồng và rút lại số tiền

27.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi bà **N1** tuyên bố ngưng không khai hội đến nay thì bà **N1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền hội sau khi giữa bà **N1** với bà **H** có thỏa thuận và khấu trừ và hiện nay còn nợ lại 313.000.000 đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **H**, buộc bà **N1** có nghĩa vụ trả cho bà **H** số tiền hội là 313.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **H** không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1)** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà **Nguyễn Thị H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 282, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H**.

Buộc **Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1)** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị H** số tiền hội là 313.000.000 đồng (ba trăm mười ba triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H** yêu cầu ông **Nguyễn Ngọc T (Xung)** cùng có nghĩa vụ liên đới với bà **Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1)** trả số tiền hội là 313.000.000 đồng (ba trăm mười ba triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huế N (Nguyễn Thị Quế N1) phải chịu 15.650.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do bà H thuộc trường hợp người cao tuổi, bà có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, do đó bà không được nhận lại án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn